

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Sản phẩm: **ULTRAMID® A3EG6 BLACK 00564 POLYAMIDE**

Phiên bản: 5.1

(30043073/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm:

ULTRAMID® A3EG6 BLACK 00564 POLYAMIDE

Sử dụng: Polymer

Sử dụng được đề xuất: Polymer, chỉ dành cho quy trình công nghiệp

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam

Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,

33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3824 3833

Số fax: +84 28 3824 3832

Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)

Số fax: +84 28 3824 3832

International emergency number:

Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Sản phẩm không yêu cầu nhãn cảnh báo mối nguy hiểm theo Tiêu chuẩn GHS

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Sản phẩm: **ULTRAMID® A3EG6 BLACK 00564 POLYAMIDE**

Phiên bản: 5.1

(30043073/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý.

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

Chất tiền chế dựa trên: polyamide
, polyamide (PA 66)

chất phụ gia, Những chất đệm

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Nếu hít phải:

Nếu cảm thấy khó chịu sau khi hít phải bụi, di chuyển ra nơi có không khí trong lành và gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Cháy gây ra bởi vật liệu nấu chảy phải được điều trị tại bệnh viện.

Khi tiếp xúc với mắt:

Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa sạch ngay lập tức với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút.

Nếu càng lúc trở nên sưng tấy lên, gọi bác sĩ.

Khi nuốt phải:

Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước. Nếu cảm thấy khó chịu: Gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Những mối nguy hiểm: Không có các mối nguy hiểm trong các ứng dụng sản phẩm hoặc khi sử dụng thích hợp.

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Phun nước, bột, bột khô

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

Vòi phun nước

Những mối nguy hiểm cụ thể:

Thành phần chất/nhóm chất đề cập có thể phóng thích trong khi cháy

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Sản phẩm: **ULTRAMID® A3EG6 BLACK 00564 POLYAMIDE**

Phiên bản: 5.1

(30043073/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

Những mối nguy hiểm cụ thể:

ammonia, aqueous solution, carbon monoxide, cyclopentanone, hydrogen cyanide, các chất dẫn xuất gốc amine, nitrile

Trung điều kiện cháy đặc biệt, có thể có nhiều chất độc khác. Việc hình thành các sản phẩm phân hủy và oxy hóa tùy thuộc vào các điều kiện cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:

Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các toà nhà, thiết bị và nguyên vật liệu gần khu vực cháy bằng màn bụi nước.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Không cần thiết cảnh báo đặc biệt.

Cảnh báo môi trường:

Không cần thiết cảnh báo đặc biệt.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng dụng cụ phù hợp và thải bỏ.

Cho lượng lớn: Thu gom bằng dụng cụ phù hợp và thải bỏ.

Cho phần còn lại: Dọn sạch/ xúc sạch.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

Thông tin bổ sung: Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Tránh hít phải bụi/sương mù/hơi. Hệ thống thông thoáng hút yêu cầu được lắp đặt tại vị trí máy trong suốt quy trình và/hoặc gia công.

Phòng chống cháy nổ:

Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện.

Hướng dẫn bảo quản

Cách ly với thức ăn của người và động vật

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Nhựa tổng hợp tỷ trọng thấp LDPE, Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, nhôm, thép cac-bon (sắt)

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát. Tránh sự hình thành bụi, bụi sản phẩm có thể tạo thành một hỗn hợp nổ với không khí.

Tính ổn định lưu trữ:

Chống ẩm.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp nếu có thể hít phải các sol khí/bụi được hình thành. Mang thiết bị bảo vệ hô hấp nếu hệ thống thông thoáng không đầy đủ. (Bộ lọc hạt EN 143 P2)

Bảo vệ tay:

Sử dụng găng tay bảo vệ nhiệt khi xử lý các khối nóng chảy (EN 407), vd. dệt hay da.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Không cần thiết cảnh báo đặc biệt. Tránh làm phát sinh hoặc hít thở bụi, sương và khói hoá chất.

Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Khi sử dụng, không ăn, uống hay hút thuốc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Sau khi tiếp xúc với sản phẩm, sử dụng các chất làm sạch tay và kem dưỡng da.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	các hạt
Màu sắc:	khác nhau, tùy vào thuốc màu
Mùi:	không mùi
Ngưỡng mùi:	không áp dụng
Giá trị pH:	không áp dụng
Nhiệt độ nóng chảy.:	tương đương 260 °C (DIN 53765) (1,013 hPa)
Khoảng sôi:	Chất / sản phẩm phân hủy do đó không được xác định.
Điểm thăng hoa:	Chưa có thông tin thực nghiệm.
Điểm chớp cháy:	không áp dụng
Tốc độ bay hơi:	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Phiên bản: 5.1

Sản phẩm: **ULTRAMID® A3EG6 BLACK 00564 POLYAMIDE**

(30043073/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không tự cháy	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn	
Giới hạn nổ trên (UEL):		
Nhiệt độ tự cháy:	> 400 °C	(ASTM D1929)
Phân huỷ do nhiệt:	> 320 °C	(TGA)
Tự bắt cháy:	không tự cháy	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Đó không phải là chất có thể tự đun nóng theo các quy định vận chuyển UN loại 4.2.	(VDI 2263, tờ 1, 1.4.1)
Nguy cơ nổ:	không nổ	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	không áp dụng	
Tỷ trọng:	1.15 - 1.60 g/cm ³ (20 °C, 1,013 hPa)	(EN ISO 1183-1)
Tỷ trọng tương đối:	Không cần thiết tiến hành các nghiên cứu.	
Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:	500 - 800 kg/m ³ (20 °C, 1,013 hPa)	(DIN 53466)
Tỷ trọng hơi (không khí):	không áp dụng	
Tính tan trong nước:	Không thể hạ tan (20 °C, 1,013 hPa)	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	không áp dụng	
Tính nhớt, động lực:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.	
Tính nhớt, động học:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.	

Đặc điểm của hạt

Phân bố kích thước hạt: có hình cầu -
diện tích bề mặt riêng: 0.0 m²/g

(MSSA, ISO 9227)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Sản phẩm: **ULTRAMID® A3EG6 BLACK 00564 POLYAMIDE**

Phiên bản: 5.1

(30043073/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Nhiệt độ: > 320 °C

Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: > 320 °C (TGA)

Những chất cần tránh:

Không có chất nào cần phải tránh.

Sự ăn mòn kim loại: Không ăn mòn kim loại

Những phản ứng nguy hiểm:

Không nhận biết phản ứng nguy hại.

Sản phẩm ổn định về mặt hoá học.

Các sản phẩm có thể phân huỷ:

ammonia, aqueous solution, carbon monoxide, carbon dioxide, cyclopentanone, hydrogen cyanide
các amine, nitrile

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Sản phẩm ổn định về mặt hoá học.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

11. Thông tin về độc tính

Các đường tiếp xúc

Đánh giá độ độc cấp tính

Tiếp xúc với sản phẩm nấu chảy có thể gây phỏng nhiệt.

Triệu chứng

Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khoẻ nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng: Có thể gây kích ứng cơ học.

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

không áp dụng

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

Thông tin độc tính liên quan khác

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Công bố dựa trên cấu trúc của sản phẩm. Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân hủy sinh học và tính khử (H₂O):

Sản phẩm gần như không thể hòa tan trong nước và do đó có thể tách khỏi nước bằng cơ học trong các nhà máy xử lý nước thải thích hợp.

Thông tin bị đào thải:

Phân hủy sinh học kém.

Đánh giá tính ổn định trong nước:

Dựa vào thuộc tính cấu trúc, sự thủy phân không chắc chắn xảy ra.

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân hủy sinh học:

Không tích tụ đáng kể trong các cơ quan.

Khả năng tích lũy sinh học:

Vì tính ổn định của sản phẩm và khả năng hòa tan trong nước thấp, nên không chắc có tính khả dụng sinh học.

Những tác động bất lợi khác

Halogen mạch vòng hữu cơ có khả năng hấp phụ (AOX):

Sản phẩm này không có chứa halogen liên kết hữu cơ.

Thông tin bổ sung

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

Sản phẩm là một hợp chất polyme.

13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Phiên bản: 5.1

Sản phẩm: **ULTRAMID® A3EG6 BLACK 00564 POLYAMIDE**

(30043073/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Kiểm tra nếu có thể tái sinh

Đốt trong các nhà máy đốt chất thải đạt chuẩn, tuân thủ quy định của chính quyền địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Các hộp chứa phải được trút sạch hoàn toàn.

Bao bì làm sạch hoàn toàn có thể tái sinh

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Vận tải đường thủy

IMDG	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Ô nhiễm hàng hải: không
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

Sea transport

IMDG	Not classified as a dangerous good under transport regulations
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Special precautions for user	Marine pollutant: no None known

Vận tải hàng không

IATA/ICAO	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích	Không áp dụng

Air transport

IATA/ICAO	Not classified as a dangerous good under transport regulations
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping	Not applicable

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Sản phẩm: **ULTRAMID® A3EG6 BLACK 00564 POLYAMIDE**

Phiên bản: 5.1

(30043073/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

hợp của Liên Hợp Quốc:		name:	
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng	Transport hazard class(es):	Not applicable
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng	Packing group:	Not applicable
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng	Environmental hazards:	Not applicable
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin	Special precautions for user	None known

Vận tải biển số lượng lớn theo quy định của IMO**Maritime transport in bulk according to IMO instruments**

Không được vận chuyển đường biển số lượng lớn mà chưa dự kiến.

Maritime transport in bulk is not intended.

15. Thông tin về pháp luật**Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Sản phẩm: **ULTRAMID® A3EG6 BLACK 00564 POLYAMIDE**

Phiên bản: 5.1

(30043073/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in: 13.10.2025

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

-Nghị định số 33/2024/ND-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.